| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 12 – VĨNH LONG**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày: 23-7-2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Mai Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B T, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1991. Nơi sinh: xã V, tỉnh Vĩnh Long. Nơi thường trú: Ấp S, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Nơi tạm trú: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B T1, sinh năm 1953 và bà Lê Thị B, sinh năm 1956; Anh chị em ruột: 04 người (Lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất là bị cáo), chồng: Thái Văn S, sinh năm 1971, con: 03 người (Lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo Nguyễn Thị B T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/12/2024 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Bà Thái Thị U, sinh năm 1965 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Lưu Văn T1, sinh năm 1986 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Anh Thạch Minh C, sinh năm 2006 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp S, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Anh Thạch Văn T2, sinh năm 2006 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp S, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1945 (Có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Võ Văn H, sinh năm 1967 (Có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Ông Trần Văn V, sinh năm 1967 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 13/8/2024, bị cáo Nguyễn Thị B T đến nhà ông Nguyễn Văn B1 trú tại Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh để nói chuyện về việc mẹ của bị cáo là bà Lê Thị B tạm trú ấp S, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do trước đây sống chung như vợ chồng với ông B1 và xảy ra cự cải nên không sống với ông B1 nữa và có bắt một con chó mang đi. Khi đó, tại nhà ông B1 có ông Nguyễn Văn C1 và ông Võ Văn H cùng trú tại Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh đang nhậu tại nhà ông B1, còn bà Thái Thị U trú tại Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh ngồi chơi. Khi nghe bị cáo nói chuyện với ông B1 thì bà U nói chuyện xen vào "Bắt lại mắc công mai mốt bả qua đây kiếm chuyện nữa à, mấy ngày trước bả qua đây đánh ổng cái mỏ sưng như cái kết" nhưng bị cáo không có nói gì. Lúc này, ông B1 nói với bị cáo vào ngồi nhậu cùng với ông H, ông C, một lúc sau bị cáo điều khiển xe mô tô đi về nhà và có rủ thêm người bạn tên T3 đến nhà ông B1 tiếp tục nhậu. Lúc bị cáo và T3 đến, cũng là lúc bà U đứng dậy chào những người có mặt để đi về nhưng bà U không có quan tâm nói chuyện gì và cũng không chào bị cáo khi ra về. Sau đó, T3 cũng đi về trước.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo điện thoại cho Thạch Minh C, thường trú ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, để rủ C xuống Ấp C, xã T đi nhậu tiếp nhưng C trả lời không biết chỗ nên bị cáo gửi định vị cho C. Sau đó, C rủ thêm Thạch Văn T2 thường trú ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, đến trước khu vực nhà ông B1. Lúc này, bị cáo điều khiển xe mô tô đi ra gặp C liền nói "Đi nhậu tiếp C ơi", bị cáo điều khiển xe mô tô đi trước, còn T2 chở C đi theo sau. Sau đó, bị cáo ghé nhà cha ruột của bị cáo, còn C và T2 chờ bị cáo gần đó, rồi bị cáo điều khiển xe mô tô ra gặp C rồi chạy trước, do có uống rượu bia trong người, nhớ chuyện lúc trưa khi bị cáo đang nói chuyện với ông B1 thì bà U nói chuyện xen vào và việc bà U đi về mà không chào bị cáo nên bị cáo đến nhà bà U, dựng xe ở phía trước lộ nhựa rồi vào nhà tìm bà Unói chuyện.

Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, bị cáo đi vào sân nhà gọi bà U, khi nghe tiếng gọi bà U đi ra, khi gặp bà U bị cáo hỏi lý do hồi trưa đi về không chào

bị cáo, cho rằng bà U khi dễ mình, bà U trả lời "Đâu có, đi về không chào cũng được vậy?", bị cáo nhắc lại chuyện lúc mình nói chuyện với ông B1 mà bà U xen vào, lúc này bà U không trả lời gì, bị cáo bước đi lên trên hàng ba nhà trước chỗ bà U đang đứng dùng tay phải tát vào mặt bà U 01 cái, dùng tay trái đấm 02 cái vào vùng sau gáy của bà U nên bà U bỏ chạy ra phía trước hàng ba gần khu vực bậc tam cấp ở phía sân nhà, bị cáo đuổi đến hiên nhà thì đuổi kịp rồi dùng tay trái nắm cổ áo, tay phải đấm trúng vào mặt bà U 02 cái, bà U giằng co tìm cách thoát thân nhưng bị bị cáo dùng tay phải đánh vào vùng lưng nhiều cái nữa. Lúc này, bị cáo và bà U đang giằng co với nhau, bị cáo nắm chặt áo trước ngực không cho bà U chạy thoát, còn bà U thì cũng cố gắng thoát khỏi bị cáo. Khi đó, bà U kêu lớn "T1 ơi T1" nên con bà U là Lưu Văn T1, sinh năm 1986, từ trong nhà đi ra, bị cáo mới buông tay nắm cổ áo ra làm bà U té ngã ngữa xuống nền xi măng. Thấy T1 đi gần đến, sợ bị T1 đánh nên bị cáo bỏ chạy ra sân, lúc này T1 đã đến đỡ bà U ngồi dậy, còn ông Trần Văn V, là chồng của bà U cũng đi đến đỡ bà U, thấy đánh nhau C đi từ chỗ dựng xe vào trong sân nhà bà U xem chuyện gì thì bị cáo chạy nép vào sau lưng của C để đi ra lộ nhựa, khi tới chỗ dựng xe, bị cáo kêu C đi về, bị cáo điều khiển xe đi phía trước, T2 chở C đi theo sau. Khi đi về đến khu vực ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì C hỏi bị cáo "Sao đánh người ta vậy?" thì bị cáo trả lời do bà U nhiều chuyện quá mới đánh. Sau đó, bị cáo đi về nhà trọ ngủ, còn C và T2 đi về nhà. Riêng bà U được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực T rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh để điều trị đến ngày 19/8/2024 được xuất viện về nhà. Qua làm việc, bị cáo thừa nhận hành vi gây thương tích cho bị hại Thái Thị U như đã nêu trên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 330/2024/KLTTCT-TTPY ngày 14/10/2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế Trà Vinh kết luận các kết quả chính: Gãy xẹp thân sống L2, tỷ lệ 21%; 02 (hai) sẹo nhỏ vùng thắt lưng L2 (mỗi sẹo 1%), tỷ lệ 2%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Thái Thị U là 23%. Cơ chế hình thành vết thương trên người của nạn nhân Thái Thị U là do ngoại lực tác động trực tiếp làm ngã va đập vào vật tày cứng, hướng từ trên xuống.

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKSTC-HS ngày 14/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị B T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Trong quá trình tiến hành tố tụng tại cơ quan điều tra, bị cáo khai không bị bức cung, không bị cưỡng ép, lời khai của bị cáo là tự giác, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Qua tranh luận công khai, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long thực hiện quyền công tố vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, kết luận bị cáo Nguyễn Thị B T phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị B T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành

khẩn khai báo; bị cáo đang nuôi con nhỏ; bị cáo có ông nội Nguyễn Văn T5 được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì và Huân chương quyết thắng hạng nhì. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời gian tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

+ Về vật chứng của vụ án: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về trách nhiệm dân sự đối với bị hại Thái Thị U: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại các khoản gồm: Chi phí điều trị có hóa đơn chứng từ hợp lệ trong thời gian bị hại nằm viện từ ngày 14/8/2024 đến ngày 19/8/2024, tại phiên toà bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường tiền công lao động cho bị hại bằng 03 tháng x 100.000 đồng/01 ngày, đối với bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền công lao động bằng 200.000 đồng/01 ngày. Nhận thấy yêu cầu đối với 01 ngày công lao động 200.000 đồng của bị hại là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường 03 tháng tiền lương tiền công bị mất, bị giảm sút và buộc bị cáo phải bồi thường với mức 200.000 đồng/ngày; Về tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 30 tháng lương cơ sở với số tiền 70.200.000 đồng (2.340.000 đồng/01 tháng x 30 tháng). Tại phiên toà giữa bị cáo và bị hại không thoả thuận được với nhau về mức bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo tỷ lệ tổn thương cơ thể 23% của bị hại để làm căn cứ, đề nghị chấp nhận một phần tổn thất tinh thần cho bị hại bằng 11,5 tháng lương cơ sở là phù hợp, tương đương số tiền 26.910.000 đồng (23.400.000 đồng/01 tháng x 11,5 tháng);

Buộc bị cáo Nguyễn Thị B T phải bồi thường cho bị hại Thái Thị U tổng số tiền 53.552.073 đồng (Năm mươi ba triệu năm trăm năm mươi hai ngàn không trăm bảy mươi ba đồng).

+ Về trách nhiệm dân sự đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lưu Văn T1:

Anh T1 có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường tiền công lao động bị mất 03 tháng bằng số tiền 45.000.000 đồng (500.000 đồng/ngày x 90 ngày). Tại phiên toà bị cáo T và Anh T1 thống nhất được với nhau về mức bồi thường, cụ thể bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường 03 tháng tiền công lao động bằng số tiền 24.000.000 đồng bao gồm cả tiền công trong các ngày nuôi bệnh từ ngày 14/8/2024 đến ngày 19/8/2024. Đây là sự tự nguyện thoả thuận của bị cáo và người liên quan nên đề

nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo T phải bồi thường cho Anh T1 tổng số tiền 24.000.000 đồng.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Thị B T thống nhất với quan điểm luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long, không tranh luận với kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được để có điều kiện chăm sóc cho con của bị cáo đang điều trị tại bệnh viện.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thạch Văn T2, Thạch Minh C; vắng mặt người làm chứng là Nguyễn Văn B1 và Võ Văn H. Tuy nhiên những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra truy tố, việc xét xử vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi và các quyết định tố tụng các cơ quan tiến hành tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định và hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền của người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Về hành vi và tội danh của bị cáo Nguyễn Thị B T:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thống nhất với bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 330/2024/KLTT-TTPY ngày 14/10/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận: Xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của nạn nhân Thái Thị U tại thời điểm giám định là 23%, nguyên nhân hình thành vết thương do ngoại lực tác động trực tiếp làm ngã va đập vào vật tày cứng. Căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định tổn thương và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án cho thấy

lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và lời khai của người làm chứng. Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo, kết luận và đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B T phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai đối với bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị B T phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Xét về lỗi: Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là do bị cáo đã sử dụng rượu bia vào ngày 13/8/2024 tại nhà ông Nguyễn Văn B1 - cha dượng của bị cáo, khi nghe bị cáo nói chuyện với ông B1 thì bị hại Thái Thị U nói xen vào cắt lời bị cáo, khi đi ra về bị hại không nói lời chào bị cáo, bị cáo cho rằng bị hại xem thường nên bị cáo đã tìm đến nhà bị hại U mục đích là đánh để thỏa mãn cơn tức giận của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo T thể hiện tính côn đồ hung hăng, trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội với lỗi cố ý trực tiếp, thực hiện hành vi tới cùng. Bị cáo đã dùng tay phải tát vào mặt bị hại, dùng tay trái đấm 02 cái vào vùng sau gáy bị hại, khi bị hại tháo chạy bị cáo tiếp tục đuổi theo đến hiên nhà dùng tay trái nắm cổ áo, tay phải đấm trúng vào mặt bị hại 02 cái, trong lúc giằng co bị cáo tiếp tục dùng tay phải đánh vào vùng lưng bị hại nhiều cái cho đến khi con bị hại từ trong nhà đi ra bị cáo mới buông tay nắm cổ áo làm bị hại té ngã xuống nền xi măng. Bị cáo nhận thức được hành vi của bản thân nhưng với bản tính hung hăng, hành vi côn đồ, ý thức xem thường pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác, chỉ vì cho rằng khi bị cáo đang nói chuyện với ông Nguyễn Văn B1 thì bị hại U xen vào và khi bị hại U từ nhà ông B1 ra về nhưng không chào hỏi bị cáo, cho rằng xem thường bị cáo mà bị cáo sẵn sàng đánh gây thương tích cho bị hại để thõa mãn cơn tức giận của bản thân. Khi phạm tội bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải chịu hậu quả do bản thân mình gây ra. Do đó cần cho bị cáo một mức án tương xứng, có thời hạn để giáo dục bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị B T:

Bị cáo Nguyễn Thị B T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, bị cáo đang nuôi con nhỏ đang bị bệnh, bị cáo có ông nội tên Nguyễn Văn T5 được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì và Huân chương Quyết thắng hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa, xét thấy bị cáo T là người đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo tác động gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương 23% với tính chất côn đồ không thể tự cải tạo nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đủ tác dụng giáo dục bản thân bị cáo

sửa chữa sai lầm trở thành người công dân tốt, sống có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị hại Thái Thị U yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 111.342.073 đồng, trong đó: Chi phí điều trị 11.142.073 đồng; tiền công lao động 05 tháng không lao động được số tiền 30.000.000 đồng (200.000 đồng/ngày x 150 ngày); tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại 30 tháng lương cơ sở số tiền 70.200.000 đồng (2.340.000 đồng x 30 tháng).

Tại phiên toà hôm nay giữa bị hại và bị cáo thỏa thuận được một phần đối với yêu cầu bị hại. Bị cáo đồng ý bồi thường chi phí điều trị trong thời gian bị hại nằm viện từ ngày 14/8/2024 đến 19/8/2024 có hóa đơn chứng từ hợp lệ là 8.642.073 đồng, đối với số tiền còn lại 2.500.000 đồng không có hoá đơn nên bị hại đồng ý rút lại không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của bị cáo bị hại về chi phí điều trị;

Về tiền công lao động bị cáo đồng ý, tự nguyện hỗ trợ cho bị hại 03 tháng với mức thu thập là 100.000 đồng/ngày, bao gồm những ngày điều trị tại bệnh viện, bị hại không thống nhất mà yêu cầu bồi thường 200.000 đồng/ngày = số tiền 18.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/2/2021 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: bị hại khai trước khi sức khoẻ bị xâm phạm công việc chính là ở nhà nấu rượu và chăn nuôi có thu nhập 200.000 đồng/01 ngày, bị hại là người cao tuổi không còn khả năng lao động để tạo thu nhập cao như ở độ tuổi lao động thành niên nên yêu cầu bồi thường số tiền 200.000 đồng/ngày là phù hợp với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 200.000 đồng/ ngày x 3 tháng = 18.000.000 đồng;

Về yêu cầu số tiền bù đắp tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 30 tháng lương cơ sở với số tiền 70.200.000 đồng (2.340.000 đồng x 30 tháng); bị cáo không đồng ý theo yêu cầu của bị hại mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật, phù hợp với mức độ thương tích của bị hại. Giữa bị cáo và bị hại không thoả thuận được với nhau về mức bồi thường nên Hội đồng xét xử căn cứ tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại là 23% chấp nhận một phần tổn thất tinh thần cho bị hại bằng 11,5 tháng lương cơ sở (2.340.000 đồng/01 tháng x 11,5 tháng) = 26.910.000 đồng.

Tổng cộng buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 53.552.073 đồng cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lưu Văn T1: Anh T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường ngày công lao động bị mất trong thời gian nuôi bệnh 03 tháng với mức 500.000 đồng/ngày bằng số tiền 45.000.000 đồng. Xét yêu cầu này là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận bởi vì theo hồ sơ bệnh án bị hại chỉ nằm viện trong thời gian từ ngày

14/8/2024 đến 19/8/2024, Anh T1 không chứng minh được thu nhập bị mất 01 ngày công lao động theo anh trình bày là công việc bốc xếp hàng hóa từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng/ngày. Tuy nhiên, tại phiên toà bị cáo đồng ý bồi thường cho Anh T1 số tiền 24.000.000 đồng, Anh T1 thống nhất số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện và thoả thuận của các bên và buộc bị cáo T phải bồi thường cho Anh T1 số tiền 24.000.000 đồng bao gồm cả thu nhập thực tế bị mất trong thời gian nuôi bệnh từ ngày 14/8 đến 19/8/2024.

[6] Về vật chứng: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị B T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Vĩnh Long là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

**2.** Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ Luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

**3.** Về vật chứng: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

**4**. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị B T phải bồi thường cho bị hại Thái Thị U tổng số tiền là 53.552.073 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị B T phải bồi thường cho anh Lưu Văn T1 tổng số tiền là 24.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**5.** Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị B T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và buộc bị cáo phải chịu 3.877.603 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**6.** Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để xin Tòa án nhân dân cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 12 - Vĩnh Long;
- UBND xã T;
- Bị cáo
- Người có QLNVLQ;
- Lưu VP, HS (…)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Đã ký**